

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 18/2013/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày 18 tháng 7 năm 2013

THÔNG TƯ**Ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính**

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu thông tin về tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Quyết định số 179/2004/QĐ-TTg ngày 06 tháng 10 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý đất đai, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2013.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý đất đai, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Mạnh Hiển

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐỊA CHÍNH

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2013/TT-BTNMT ngày 18 tháng 7 năm 2013
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính là căn cứ để xây dựng đơn giá và dự toán kinh phí xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu địa chính trong các trường hợp sau:

1.1. Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính đối với trường hợp thực hiện đồng bộ việc chỉnh lý, hoàn thiện hoặc đo đạc lập mới bản đồ địa chính gắn với đăng ký, cấp mới, cấp đổi giấy chứng nhận và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính cho tất cả các thửa đất.

1.2. Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính đối với trường hợp đã thực hiện đăng ký, cấp giấy chứng nhận, đăng ký biến động đất đai.

1.3. Hoàn thiện cơ sở dữ liệu địa chính đã xây dựng nhưng nội dung chưa theo đúng quy định tại Thông tư số 17/2010/TT-BTNMT.

1.4. Tích hợp cơ sở dữ liệu địa chính.

1.5. Cập nhật cơ sở dữ liệu địa chính trong quá trình thực hiện đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất thường xuyên (sau đây gọi chung là đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất thường xuyên).

2. Nội dung công việc xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 phần này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2013/TT-BTNMT ngày 24 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai.

Nội dung công việc cập nhật cơ sở dữ liệu địa chính quy định tại điểm e khoản 1 phần này được thực hiện theo quy định của pháp luật đất đai về trình tự thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất thường xuyên và quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hồ sơ địa chính.

3. Định mức này áp dụng cho các công ty nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức và cá nhân có liên quan thực hiện các công việc về xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính bằng ngân sách Nhà nước.

4. Định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các định mức thành phần:

4.1. Định mức lao động công nghệ (sau đây gọi là định mức lao động): Là thời gian lao động cần thiết để sản xuất ra một sản phẩm (thực hiện một bước công việc). Nội dung định mức lao động bao gồm:

a) Nội dung công việc: Xác định các thao tác cơ bản để thực hiện bước công việc.

b) Định biên: Quy định số lượng lao động và cấp bậc kỹ thuật để thực hiện công việc. Cấp bậc kỹ thuật thực hiện theo “Tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức - viên chức ngành tài nguyên môi trường”.

c) Định mức lao động: Quy định thời gian lao động trực tiếp sản xuất một sản phẩm (thực hiện bước công việc); đơn vị tính là công cá nhân hoặc công nhóm/đơn vị sản phẩm; ngày công (ca) tính bằng 8 giờ làm việc.

4.2. Định mức vật tư và thiết bị:

a) Định mức vật tư và thiết bị bao gồm định mức sử dụng vật liệu và định mức sử dụng dụng cụ (công cụ, dụng cụ), định mức thiết bị (máy móc).

- Định mức sử dụng vật liệu: Là số lượng vật liệu cần thiết để sản xuất ra một sản phẩm (thực hiện một công việc).

- Định mức sử dụng dụng cụ, thiết bị: Là thời gian lao động có sử dụng dụng cụ, thiết bị cần thiết để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm hoặc hoàn thành một công việc cụ thể; đơn vị tính là ca.

b) Thời hạn sử dụng dụng cụ, thiết bị: Là thời gian dự kiến sử dụng dụng cụ, thiết bị vào hoạt động sản xuất trong điều kiện bình thường, phù hợp với các thông số kinh tế - kỹ thuật của dụng cụ, thiết bị, đơn vị tính như sau:

- Thời hạn sử dụng dụng cụ: Đơn vị tính là (tháng);

- Thời hạn sử dụng thiết bị: Theo quy định tại các Thông tư liên tịch hướng dẫn lập dự toán giữa Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

c) Điện năng tiêu thụ của các dụng cụ, thiết bị dùng điện được tính trên cơ sở công suất của dụng cụ, thiết bị; tính theo 8 giờ làm việc trong 1 ngày công (ca) và định mức sử dụng dụng cụ, thiết bị.

Mức điện năng trong các bảng định mức đã được tính theo công thức sau:

Mức điện = (Công suất thiết bị/giờ x 8 giờ/ca x số ca sử dụng dụng cụ, thiết bị) + 5% hao hụt.

d) Mức cho các dụng cụ nhỏ, phụ được tính bằng 5% mức dụng cụ tại bảng định mức dụng cụ.

đ) Mức vật liệu nhỏ nhất và hao hụt được tính bằng 8% mức vật liệu tại bảng định mức vật liệu.

5. Quy định viết tắt

Nội dung viết tắt	Viết tắt
Định mức kinh tế - kỹ thuật	Định mức KT-KT
Định mức	ĐM
Định mức lao động	ĐMLĐ
Định mức vật tư thiết bị	ĐMVTTB
Đơn vị tính	ĐVT
Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	GCN
Cơ sở dữ liệu	CSDL
Hồ sơ	HS
Đơn vị hành chính	ĐVHC
Kỹ sư bậc 1	KS1
Kỹ sư bậc 2	KS2
Kỹ sư bậc 3	KS3
Kỹ sư bậc 4	KS4
Kỹ thuật viên bậc 3	KTV3
Kỹ thuật viên bậc 6	KTV6
Định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc địa chính, đăng ký quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ban hành theo Quyết định số 10/2008/QĐ-BTNMT ngày 18 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Định mức 10/2008/ QĐ-BTNMT
Thông tư số 17/2010/TT-BTNMT ngày 04 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về chuẩn dữ liệu địa chính	Thông tư số 17/2010/ TT-BTNMT
Thông tư số 04/2013/TT-BTNMT ngày 24 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai	Thông tư số 04/2013/ TT-BTNMT

6. Quy định quét (chụp) giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất

Việc áp dụng định mức đối với nội dung công việc quét (chụp) giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất được tính theo hệ số trong các trường hợp như sau:

- Trường hợp các hồ sơ giấy, bị ố hoặc nhàu thì định mức lao động và máy móc, thiết bị được nhân với hệ số sau: $k = 1,2$

- Trường hợp các loại tài liệu có kích thước khác với khổ A4 thì định mức lao động và máy móc, thiết bị được tính như sau:

+ Trường hợp tài liệu khổ A3: $k = 2$;

+ Trường hợp tài liệu khổ A2: $k = 4$;

+ Trường hợp tài liệu khổ A1: $k = 8$;

+ Trường hợp tài liệu khổ A0: $k = 16$.

7. Định mức này thay thế cho định mức công việc chuyển hồ sơ địa chính phần thuộc tính sang dạng số quy định tại mục R - Chương II - Phần II và mục R - Chương II - Phần III của Định mức 10/2008/QĐ-BTNMT.

8. Khi áp dụng định mức này cho việc xây dựng CSDL thì phần nhiệm vụ đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp GCN phải điều chỉnh Định mức 10/2008/QĐ-BTNMT đối với các công việc sau đây:

8.1. Viết GCNQSDĐ bằng công nghệ tin học: Tính bằng 50% của Định mức 10/2008/QĐ-BTNMT.

8.2. Lập Sổ địa chính, lập lại Sổ mục kê bằng công nghệ tin học: Tính bằng 40% của Định mức 10/2008/QĐ-BTNMT.

9. Các dự án, thiết kế kỹ thuật xây dựng CSDL địa chính đã triển khai thực hiện trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì thực hiện như sau:

9.1. Đối với khối lượng công việc đã thực hiện thì áp dụng theo thiết kế kỹ thuật xây dựng CSDL địa chính đã được phê duyệt;

9.2. Khối lượng công việc chưa thực hiện thì điều chỉnh bổ sung dự toán và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Thông tư này.

Chương II **ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG CÔNG NGHỆ**

1. Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính đối với trường hợp thực hiện đồng bộ việc chỉnh lý, hoàn thiện hoặc đo đạc lập mới bản đồ địa chính gắn với đăng ký, cấp mới, cấp đổi Giấy chứng nhận và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính cho tất cả các thửa đất